

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2022/DS-PT

Ngày 30-11-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tâm

*Các Thẩm phán:*

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Ngô Thị Bích Diệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2022/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 16/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Khoa Diệu T, sinh năm 1964; địa chỉ: số 58, đường V, khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Kiều Thị Yến Tr, sinh năm 1973; địa chỉ: số 257 đường Hùng Vương, khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Thu Tr1, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Kiều Thị Yến Tr.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản lấy lời khai; biên bản hòa giải không thành và tại phiên tòa nguyên đơn (bà T) trình bày:*

Bà T và bà Tr là hàng xóm của nhau, quen biết từ lâu, bà T với bà H có mối quan hệ quen biết nhau, vào ngày 05/3/2021 thông qua bà H, bà Tr đã từng mượn số tiền 200.000.000 đồng của bà T và bà Tr đã thanh toán đầy đủ tiền gốc, tiền lãi cho bà T. Do bà Tr từng mượn tiền và thanh toán đúng thỏa thuận nên tiếp tục vào ngày 17/3/2021, qua bà H giới thiệu bà T cho bà Tr vay số tiền 500.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và hẹn trong vòng 10 ngày sẽ hoàn trả lại số tiền 500.000.000 đồng đã vay cùng lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Bà T không trực tiếp giao tiền cho bà Tr mà nhờ bà H chuyển khoản cho bà Tr giùm do bà T không có số tài khoản. Số tiền 500.000.000 đồng bà T cho bà Tr vay là số tiền bà T cho bà Nguyễn Thị Thu Tr1, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp L, xã L1, huyện D, tỉnh Bình Dương vay ngày 12/3/2021, đến ngày 16/3/2021 bà Thu Tr1 trả cho bà T, do bà T không có số tài khoản nên bà T yêu cầu bà Thu Tr1 chuyển tiền vào tài khoản bà H, rồi yêu cầu bà H cất giữ tiền cho bà T. Ngày 17/3/2021, bà Yến Tr hỏi vay tiền thì bà T đồng ý và yêu cầu bà H chuyển tiền cho bà Yến Tr vay, bà T yêu cầu bà Yến Tr viết giấy nợ đưa cho bà H để bà H đưa cho bà T cất giữ. Giấy mượn tiền ngày 17/3/2021 có một phần đánh máy, ở phần nội dung bỏ trống, bà Tr có viết chữ “Kiều Thị Yến Tr, sinh năm 1973, địa chỉ: KP4B-DT-BD” và ghi số tiền mượn là 500.000.000 đồng, viết bằng chữ “năm trăm triệu đồng”. Còn chữ “Nguyễn Khoa Diệu T, sinh năm 1964, hiện cư ngụ khu phố 7” là do bà T ghi. Tuy nhiên do đến hạn bà Tr không thanh toán nợ, bà T đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Tr không thực hiện. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà Tr có trách nhiệm thanh toán số tiền 500.000.000 đồng đã vay và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 27/3/2021 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

*\* Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải không thành và tại phiên tòa, bị đơn (bà Yến Tr) trình bày:*

Bà Tr và bà T là hàng xóm, ở gần nhà nhau, có quen biết nhau nhưng không làm ăn gì với nhau. Bà Tr với bà H có mối quan hệ qua lại làm ăn với nhau. Bà H có vay của bà Tr số tiền 1.880.000.000 đồng, số tiền 500.000.000 đồng mà bà H chuyển khoản cho bà Tr ngày 17/3/2021 là tiền bà Tr mượn của bà H và bà Tr có ghi giấy nợ đưa cho bà H cất giữ bản chính, bà Tr có photo một bản giấy mượn tiền ngày 17/3/2021 để cất giữ. Do bà H còn nợ bà Tr 1.880.000.000 đồng nên bà Tr và bà H thỏa thuận cân trừ số tiền 500.000.000 đồng, hiện tại bà H chỉ còn nợ bà Tr số tiền 380.000.000 đồng. Giấy mượn tiền ngày 17/3/2021 có một phần đánh máy, ở phần nội dung bỏ trống, bà Tr có viết chữ “Kiều Thị Yến Tr, sinh năm 1973, số tiền mượn là 500.000.000 đồng, viết bằng chữ “năm trăm triệu đồng”. Còn chữ “Nguyễn Khoa Diệu T, sinh năm 1964, hiện cư ngụ khu phố 7” không phải do bà Tr ghi. Sau khi ký Giấy mượn tiền ngày 17/3/2021 bà Tr đưa cho bà H cất giữ. Không biết vì sao bà T có bản chính giấy mượn tiền ngày 17/3/2021 để khởi kiện bà Tr. Bà T khởi kiện yêu cầu bà Tr thanh toán 500.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 27/3/2021 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm thì bà Tr không đồng ý. Bà Tr chỉ mượn tiền bà H, bà Tr không mượn tiền của bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu bà Tr thanh toán số tiền trên thì bà Tr không đồng ý.

*\* Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà H) trình bày:*

Bà H có mối quan hệ quen biết, làm ăn với bà T, bà Yến Tr. Ngày 17/3/2021, bà Yến Tr có hỏi vay bà H 500.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, nhưng bà H không có tiền, bà Yến Tr nhờ bà H hỏi vay tiền của bà T, bà T đồng ý và yêu cầu bà H lấy số tiền 500.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Thu Tr1 trả cho bà T ngày 16/3/2021 chuyển khoản cho bà Yến Tr vay, bà T yêu cầu bà Yến Tr viết giấy nợ đưa cho bà H để bà H đưa cho bà T cất giữ bản chính. Giấy mượn tiền ngày 17/3/2021 có một phần đánh máy, ở phần nội dung bỏ trống, bà Tr là người viết chữ “Kiều Thị Yến Tr, sinh năm 1973, số tiền mượn là 500.000.000 đồng, viết bằng chữ “năm trăm triệu đồng”. Bà T là người viết “Nguyễn Khoa Diệu T, sinh năm 1964, hiện cư ngụ khu phố 7. Bà H là người ghi “KP4B-DT-BD”, bà H là người trực tiếp chuyển tiền 500.000.000 đồng cho bà Yến Tr giùm bà T và là người đưa giấy mượn tiền ngày 17/3/2021 cho bà Yến Tr ký rồi đưa bản chính cho bà T cất giữ. Bà H có nợ bà Tr số tiền 1.880.000.000 đồng, là tiền hùn vốn làm ăn chung, bà H có làm giấy nợ số tiền 1.880.000.000 đồng rồi đưa bà Tr cất giữ bản chính. Hiện nay bà Yến Tr vẫn đang cất giữ bản chính giấy nợ số tiền 1.880.000.000 đồng. Khoảng giữa tháng 3/2021, bà Tr cần tiền làm ăn, bà Tr có nói bà H hỏi mượn dùm cho bà Tr 500.000.000 đồng. Bà H với bà T, bà Tr có mối quan hệ quen biết, hơn nữa trước đó ngày 05/3/2021, bà Tr có mượn bà T 200.000.000 đồng và trả đầy đủ rồi nên lần này bà H có nói bà T là cho bà Tr mượn tiền thì bà T đồng ý.

Bà T nói với bà H là ngày 16/3/2021, bà Nguyễn Thị Thu Tr1, sinh năm 1971, địa chỉ: Ấp L, xã L1, huyện D, tỉnh Bình Dương có trả cho bà T 500.000.000 đồng nhưng do bà T không có số tài khoản nên bà T nói bà Thu Tr1 chuyển 500.000.000 đồng vào tài khoản của bà H và nhờ bà H chuyển khoản 500.000.000 đồng cho bà Yến Tr mượn. Bà T có nói bà H là yêu cầu bà Tr viết và ký tên vào giấy mượn tiền, sau đó bà H đưa giấy mượn tiền ngày 17/3/2021 bản chính cho bà T cất giữ. Số tiền 500.000.000 đồng này là tiền của bà T, bà T nhờ bà H chuyển khoản cho bà Yến Tr mượn, đây không phải là tiền của bà H. Bà H nợ bà Yến Tr số tiền 1.880.000.000 đồng thì bà H chịu trách nhiệm trả cho bà Yến Tr, còn số tiền 500.000.000 đồng mà bà H chuyển cho bà Tr ngày 17/3/2021 là tiền của bà T thì bà Tr có trách nhiệm trả cho bà T.

*\* Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, người làm chứng (bà Thu Tr1) trình bày:*

Vào ngày 12/3/2021, bà Tr có vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh D, hai bên thỏa thuận ngày nào Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh D cho bà Tr vay lại 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) thì bà Tr sẽ trả lại cho bà T, tiền lãi bà Tr trả trực tiếp cho bà T. Ngày 16/3/2021, sau khi đáo hạn xong thì Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh D cho bà Tr vay lại số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) nhưng Ngân hàng không có tiền mặt, Ngân hàng nói sẽ chuyển tiền tài khoản cho bà Tr. Vì bà Tr hứa với bà T là sau khi đáo hạn có tiền thì bà Tr sẽ trả cho bà T, bà Tr gọi cho bà T nói sẽ trả tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) nhưng Ngân hàng không có tiền mặt nên bà Tr gọi

cho bà T nói rằng bà Tr sẽ chuyển khoản trả cho T, thì bà T nói không có số tài khoản, bà T yêu cầu bà Tr chuyển 500.000.000 đồng vào số tài khoản của bà H, bà T nói với bà Tr là bà T mượn số tài khoản của bà H cho bà Tr chuyển trả 500.000.000 đồng nên khoảng 17 giờ ngày 16/3/2021 bà Tr chuyển 500.000.000 đồng vào số tài khoản bà Nguyễn Thị Thu H. Còn bà T lấy số tiền này cho ai vay lại thì bà Tr không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 28, 39, 42, 93, 94, 95, 147, 177, 227, 228, 229, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 116, 117, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Khoa Diệu T.

Về nghĩa vụ thanh toán:

Buộc bà Kiều Thị Yến Tr có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Khoa Diệu T số tiền 582.000.000 đồng (năm trăm tám mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/8/2022, bà Kiều Thị Yến Tr kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Khoa Diệu T.

Ngày 23/8/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện D kháng nghị đối với Bản án số 74/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện D và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Khoa Diệu T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Kiều Thị Yến Tr không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng

Viện Kiểm sát nhân dân huyện D sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Kiều Thị Yến Tr và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện D làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu Tr1 vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự có tên nêu trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về kháng cáo của bà Kiều Thị Yến Tr và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, xét thấy:

Bà Nguyễn Khoa Diệu T khởi kiện yêu cầu bà Kiều Thị Yến Tr có trách nhiệm hoàn trả số tiền 500.000.000 đồng, theo Giấy mượn tiền ngày 17/3/2021 và tiền lãi tính từ ngày 27/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 60.000.000 đồng.

Bà T xuất trình chứng cứ là Giấy viết tay lập ngày 17/3/2021 có nội dung *“Tôi đứng tên dưới đây là Kiều Thị Yến Tr, sinh năm 1973, địa chỉ: KP 4B – DT-BD, số tiền mượn là 500.000.000 đồng (bằng chữ: năm trăm triệu đồng), lãi suất 1%/tháng của bà Nguyễn Khoa Diệu T, sinh năm 1964, hiện cư ngụ khu phố 7”*. Ngoài ra bà T không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác ngoài lời khai của bà T, được bà Nguyễn Thị Thu H giới thiệu hỏi vay số tiền 500.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng và hẹn trong vòng 10 ngày sẽ hoàn trả cùng lãi suất 1%/tháng, hỏi vay dùm cho bà Tr. Do tin tưởng là hàng xóm nên bà T nhờ bà Nguyễn Thị Thu Tr1 chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 500.000.000 đồng để bà H tiếp tục chuyển khoản cho bà Kiều Thị Yến Tr vay. Việc thỏa thuận miệng giữa bà H với bà T không được bà Kiều Thị Yến Tr thừa nhận có quan hệ vay tiền của bà Tr và bà Tr chỉ thừa nhận có ký tên tại Giấy vay mượn tiền lập ngày 17/3/2021 là do bà H trước đây có vay 4.500.000.000 đồng và hiện bà H còn nợ bà Tr số tiền 1.880.000.000 đồng, nên bà H có chuyển khoản trả cho bà Tr số tiền 500.000.000 đồng, bà H là người đưa cho bà Tr một giấy mượn tiền viết sẵn và bà Tr có ghi tên và số tiền đã mượn còn ghi tên *“Nguyễn Khoa Diệu T, sinh năm 1964, hiện cư ngụ khu phố 7 và ký tên vào mục người mượn tiền, còn người cho mượn tiền bà H để trống không ghi, giấy viết tay chỉ có một bản chính bà H giữ*.

Tại Biên bản đối chất ngày 19/7/2022, nguyên đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H khai vào ngày 17/3/2021, bà H tự nguyện

chuyển từ tài khoản của bà H số tiền 500.000.000 đồng cho bà Tr và được bà Tr thừa nhận; bà T là nguyên đơn thừa nhận vào ngày 16/3/2021, bà Nguyễn Thị Thu Tr1 có trả nợ cho bà T số tiền 500.000.000 đồng, bà Tr không giao trả trực tiếp số tiền trên cho bà T mà chuyển từ tài khoản của bà Tr sang tài khoản của bà H và được bà H thừa nhận; bà H thừa nhận hiện còn nợ bà Kiều Thị Yến Tr là bị đơn số tiền 1.880.000.000 đồng là số tiền hùn vốn làm ăn chung; giấy mượn tiền lập ngày 17/3/2021, bà T, bà Tr, bà H thống nhất thừa nhận: Bà Tr là người viết chữ “Kiều Thị Yến Tr, sinh năm 1973, số tiền mượn là 500.000.000 đồng, viết bằng chữ “năm trăm triệu đồng” và ký, ghi rõ họ tên Kiều Thị Yến Tr bên người mượn và không thừa nhận có ghi chữ “Nguyễn Khoa Diệu T, sinh năm 1964, hiện cư ngụ khu phố 7 và ký tên vào mục người mượn tiền Nguyễn Khoa Diệu T”; bà T, bà H thừa nhận sau đó bà H đưa bản chính cho bà T và bà T có gọi điện đòi tiền bà Tr nhiều lần nhưng bà Tr không trả nên bà T mới ghi thêm vào mục người cho mượn tiền là bà “*Nguyễn Khoa Diệu T, sinh năm 1964, hiện cư ngụ: khu phố 7 và ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Khoa Diệu T bên người cho mượn*”. Như vậy có căn cứ xác định số tiền 500.000.000 đồng bà T đã chuyển khoản cho bà H vay mượn là có thật, còn mối quan hệ vay mượn tiền giữa bà T và bà Tr không có chứng cứ nào khác ngoài giấy mượn tiền lập ngày 17/3/2021. Mặc khác bà T chấp nhận cho bà Tr vay tiền, tại sao bà T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu Tr1 chuyển từ tài khoản của bà Tr sang tài khoản của bà Kiều Thị Yến Tr là người vay mượn, lại chuyển vào tài khoản của bà H và bà H mới chuyển khoản cho bà Tr. Cho nên bà Nguyễn Khoa Diệu T khởi kiện yêu cầu bà Kiều Thị Yến Tr phải trả 500.000.000 đồng và lãi suất là không có căn cứ chấp nhận. Trong trường hợp này bà Nguyễn Khoa Diệu T được quyền khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H phải trả 500.000.000 đồng ở vụ án khác nếu thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Từ những phân tích và lập luận trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Kiều Thị Yến Tr và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện D. Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Khoa Diệu T.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Kiều Thị Yến Tr và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện D; sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện D.

- Áp dụng các Điều 95, 147, 148, 227, 228, 229, 235, 273 và 293 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 116, 117, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Khoa Diệu T yêu cầu buộc bà Kiều Thị Yến Tr có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Khoa Diệu T số tiền vay là 500.000.000 đồng và lãi suất là 60.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Khoa Diệu T phải chịu 26.400.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ số 13.200.000 đồng (mười ba triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0007138 ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D; bà Nguyễn Khoa Diệu T còn phải chịu số tiền 13.200.000 đồng (mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).

II. Về án phí phúc thẩm: Trả cho bà Kiều Thị Yến Tr số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0010847 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Bích Diệp**

**Huỳnh Thị Thanh Tuyền**

**Bùi Văn Tâm**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện D;
- TAND huyện D;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Tâm**